TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Bằng;

Ông Nguyễn Văn Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Trần Thanh B trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Ông B và bà T chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Khi mới chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9 năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng sống không hợp nên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên ông Trần Thanh B yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Trần Thùy D, sinh ngày 19/11/2004 (nữ), hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn con có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 05 tháng 6 năm 2020, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà thừa nhận ông B trình bày là đúng, bà và ông B chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà T đồng ý ly hôn với ông B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Trần Thùy D, sinh ngày 19/11/2004 (nữ), hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn con có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Thanh B và bị đơn bà Trần Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông B và bà T chung sống với nhau từ năm 2002, trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay

chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 05/6/2020 thì bà T cũng thể hiện ý kiến là đồng ý ly hôn với ông B vì xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông B và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau.

Xét thấy, ông B và bà T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông B và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Trần Thùy D, sinh ngày 19/11/2004 (nữ), hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn con có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Trần Thùy D thì cháu D có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Trần Thùy D, sinh ngày 19/11/2004 (nữ) cho bà T nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông B phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng

dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Thanh B và bà Trần Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Thị T nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Trần Thùy D, sinh ngày 19/11/2004 (nữ).

Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông B phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông B có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003636 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo